

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/DS-ST
Ngày: 15/12/2017
V/v tranh chấp đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nh□Trang

Bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 08/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXXST - DS ngày 03/11/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị X** sinh năm 1963, địa chỉ: thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình. có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn S** sinh năm 1966 và bà **Lê Thị C** sinh năm 1971, địa chỉ: thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình. Ông S, bà C đều có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Phạm Thị H** sinh năm 1984, địa chỉ: thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- Anh **Phạm Văn T** sinh năm 1991, địa chỉ: thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị H và anh T là bà **Nguyễn Thị X** sinh năm 1963, địa chỉ: thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình; có mặt. (Giấy ủy quyền ngày 07/8/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị X** trình bày: Bà và ông **Phạm Ngọc H** kết hôn với nhau vào năm 1981. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống cùng bố mẹ chồng bà là cụ **Phạm Văn L** và **Hoàng Thị C** tại Thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình. Lúc đó cụ L và cụ C đã xây đ□ợc ngôi nhà ngói 05 gian, bố mẹ chồng cho vợ chồng bà ở tại gian buồng, 4 gian nhà ngoài bố mẹ chồng bà và ông S là em trai chồng sử dụng. Khoảng năm 1989, 1990, ông S kết hôn với bà C, vợ chồng ông S vẫn ở

cùng bố mẹ. Một thời gian sau, vợ chồng bà được bố mẹ cho 01 gian buồng vợ chồng đang ở và phần đất giáp nhà ông Phạm Văn C1 (gồm cả 1 phần ao chung với ông C1), còn 4 gian nhà và diện tích đất còn lại phía tây giáp nhà ông Phạm Văn C2 là anh trai cả ông S. Quá trình sử dụng đất vợ chồng bà đã quản lý, kê khai và đã sửa lại gian nhà bố mẹ cho, xây nối dài thêm gian nhỏ, lúc đó cụ L và cụ cụ C vẫn còn sống. Ngày 07/9/1990 âm lịch, cụ C chết, cụ L vẫn sống cùng vợ chồng ông S. Mấy năm sau, vợ chồng ông S đã phá toàn bộ 4 gian nhà của bố mẹ và xây nhà mới cách tường nhà bà khoảng 0,3m. Vợ chồng bà cũng đã xây tường dậu bao quanh 3 mặt của thửa đất, ranh giới giữa đất của vợ chồng bà với đất ở của vợ chồng ông S không xây tường dậu ngăn cách; Khoảng năm 2010, 2011 Nhà nước đo VLAP, ông H và ông S nhận ranh giới, mốc giới như thế nào bà không rõ nhưng hai gia đình không có tranh chấp gì. Ngày 11/02/2011, ông H không may bị bệnh đã qua đời. Bà và hai con là chị H, anh T vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất của vợ chồng bà. Ngày 15/12/2011 bà được UBND huyện Kiến Xương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 14/9/2014, trong khi bà vắng nhà, ông S đã tự ý xây tường và lợp mái tôn đè lên tường nhà bà. Chị H và anh T đã ngăn cản không cho ông S xây nhưng ông vẫn cố tình xây vì ông S cho rằng bức tường nhà bà là bố mẹ cho chung hai anh em, mỗi người 1/2 = 0,1 m. Bà đã làm đơn đề nghị UBND xã Minh Tân giải quyết, UBND xã đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng ông S vẫn không chịu tháo dỡ bức tường trên. Bà khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương buộc ông S và bà C phải dỡ bỏ toàn bộ tường và mái tôn mà vợ chồng ông S đã xây đè trên tường nhà bà.

Ngày 28/8/2017 bà X bổ sung yêu cầu khởi kiện, bà cho rằng ngoài việc xây tường lợp mái công trình phụ đè lên tường nhà ở của bà, phần mái ngói Brô xi măng của công trình phụ nhà ông S còn lấn sang phần đất phía sau nhà bà khoảng 0,1 m và phần mái tôn phía trước sân nhà ông S cũng lấn sang đất nhà bà. Bà đề nghị Tòa án buộc ông S và bà C tháo các công trình trên, đảm bảo việc sử dụng ranh giới đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2017 bà X lại có đơn xin rút phần yêu cầu bổ sung, bà chỉ yêu cầu vợ chồng ông S phải dỡ bỏ phần mái tôn công trình phụ lợp đè trên tường nhà bà.

Về án phí và chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản bà X yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

- Bà X giao nộp đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BI 198717, Biên bản của UBND xã M lập ngày 10/4/2017, bản sao Giấy chứng minh nhân dân của bà và hai con là Phạm Thị H, Phạm Văn T; bản sao sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Phạm Ngọc H; Giấy chứng tử của ông Phạm Ngọc H.

* Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C trình bày:

Ông bà kết hôn với nhau từ năm 1989, ông bà cùng chung sống với bố mẹ là cụ Phạm Văn L và cụ Hoàng Thị C trong một ngôi nhà 4 gian mái ngói, còn chung tường với gian nhà bố mẹ tôi cho vợ chồng ông H, bà X. Lúc đó, vợ chồng ông H đã xây nối thêm một gian lên phía trước và đổ mái bằng. Năm 1996, ông bà xây nhà hai tầng phía đằng trước 4 gian nhà cũ, phần ranh giới đất giáp với

đất ông H ở giáp đường giao thông ông bà xây tường dậu bằng gạch cao hơn 1m, phía ngoài tường dậu còn có dậu dâm bụi thuộc đất bố mẹ cho nhà ông bà đã chừa lại để làm ranh giới; nhà cũ của bố mẹ cho, ông bà vẫn giữ nguyên để làm kho chứa đồ. Đến năm 1998 ông bà dỡ bỏ nhà cũ và một phần vỉa hè giáp với mái bê tông của nhà ông H, phần đất nền nhà cũ ông bà dùng làm sân và có xây 01 bể nước mái giáp với bức tường chung. Ông bà đã tận dụng gạch cũ để xây công trình phụ phía cuối đất giáp nhà anh C1, công trình phụ xây chủ yếu bằng gạch xi, lợp ngói Brôxi măng, bức tường xi giáp đất ông H, nối thẳng với 1/2 bức tường nhà cũ kéo về phía nhà anh C1. Ông bà không nhớ năm nào, ông H xây quán bán tạp hóa cách tường dậu nhà ông bà khoảng 20cm, năm 2000, ông bà xây coi cao thêm bức dậu phía trước rồi lợp mái Brôximăng. Khoảng năm 2011, đo VLAP, cán bộ VLAP đã đánh dấu bằng sơn đỏ xác định mốc giới giữa hai nhà, sau đó họ đo đạc bằng máy rồi báo ông S ký vào bản mô tả mốc giới, giữa hai gia đình ông bà và gia đình ông H, bà X không có tranh chấp gì. Ngày 15/12/2011, ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng năm 2012, ông bà dỡ bỏ mái Brôximăng, lợp mái tôn phía trước. Khoảng tháng 7 âm lịch, tháng 8 dương lịch năm 2014, ông bà lợp mái tôn công trình phụ gối tiếp lên 1/2 bức tường nhà cũ. Ông bà không đồng ý dỡ bỏ phần mái tôn vì bức tường đó là của bố mẹ cho chung hai anh em thuộc ranh giới đất của ông bà; ông bà yêu cầu Tòa án căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đã được Nhà nước công nhận, đất của gia đình ông bà đến đâu, ông bà sử dụng đến đó, nếu có phần nào xây dựng phạm vào ranh giới đất của bà X, ông bà đồng ý tháo dỡ. Ông bà không nhớ cụ thể mốc giới vì vạch sơn đánh dấu khi đo VLAP đã không còn. Ông S giao nộp cho Tòa án Bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BI 198717 đã được đối chiếu đúng bản chính.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn T là con chung của bà Nguyễn Thị X và ông Phạm Ngọc H đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Chị H, anh T ủy quyền cho bà X thay mặt họ tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bà X được toàn quyền quyết định các vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ của họ phải giải quyết trong vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện diện tích đất của nguyên đơn và bị đơn không có đất sử dụng chung, giữa sổ mục kê, bản đồ 04 và Giấy chứng nhận phù hợp với nhau về hình thể, diện tích tăng lên là do đo đạc và trước khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan chuyên môn đo VLAP, các bên không tranh chấp về mốc giới. Bởi vậy có căn cứ xác định bức tường đang tranh chấp thuộc ranh giới đất của nhà bà X, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 175 Bộ luật dân sự; khoản 1 điều 12, khoản 5 điều 166 Luật Đất đai, buộc ông Phạm Văn S phải tháo dỡ diện tích mái tôn đè lên tường và đất của bà X 0.43 m² có chiều dài 4,07 m, chiều rộng 0,1m; đề

ngợi áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút ngày 30/12/2017.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 30/11/2017 bà Nguyễn Thị X nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ông S, bà C tháo dỡ phần mái tôn phía trước và phần mái Brô xi măng công trình phụ phía sau; tại phiên tòa, bà X vẫn xin rút phần yêu cầu này, bà X chỉ yêu cầu ông S, bà C tháo dỡ phần tường và phần mái tôn lợp đè lên ½ bức tường nhà bà. Xét thấy việc rút phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút; nếu sau này bà X khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà X không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2] Ông Phạm Ngọc H và ông Phạm Văn S đều là con của hai cụ Phạm Văn L và Hoàng Thị C, ông H là anh trai ông S. Ông H đã chết ngày 11/2/2011; Cụ Phạm Văn L chết ngày 24/10/1990 (tức ngày 07/9/1990 âm lịch), cụ Hoàng Thị C chết ngày 05/9/1997 (tức ngày 04/8/1997 âm lịch). Ông H và bà X có hai con chung là chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn T, bà Xuyen và chị H, anh T hiện đang sử dụng và quản lý nhà, đất của vợ chồng ông H, bà X.

[3] Nguồn gốc đất của vợ chồng ông H, bà X và đất của vợ chồng ông S, bà C tại Thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình đều do hai cụ Phạm Văn L và Hoàng Thị C cho nh^ưng không có văn bản.

[4] Về nhà ở: lời khai của ông S, bà C thể hiện: năm 1989, khi hai ng^{ườ}i kết hôn về chung sống với gia đình cụ L thì vợ chồng ông H, bà X đã đ^{ượ}c cụ L cho ở riêng tại một gian buồng phía tây và đã xây nối thêm một gian về phía tr^{ướ}c, thực tế thì bức t^ờng của gian nhà vợ chồng ông H xây nối thêm thẳng với bức t^ờng ngăn buồng cũ và đã dỡ mái ngói, đổ mái bằngtoàn bộ cả 02 gian. Vợ chồng ông S, bà C vẫn còn sống chung với cụ L, cụ C trong 4 gian nhà ngoài. Khoảng năm 1998, vợ chồng ông S, bà C đã dỡ bỏ 4 gian nhà cũ của cụ L, diện tích nền nhà dùng để làm sân. bức t^ờng ngăn vẫn giữ nguyên.

[5] Tài liệu quản lý đất đai thể hiện, ông S và ông H đều đã đứng tên chủ hộ sử dụng đất trong Sổ mục kê đất đai của UBND xã M năm 1992 và thể hiện trên bản đồ hiện trạng đo đạc năm 1992, cụ thể ông Phạm Ngọc H sử dụng 335m² đất thổ (ký hiệu thửa đất số 1887) và 70 m² đất ao (ký hiệu thửa đất số 1888), ông Phạm Văn S sử dụng 310m² đất thổ (Ký hiệu thửa đất số 1889), thửa đất thổ 335 m² của gia đình ông H liền kề với thửa đất thổ của gia đình ông S không có tài liệu nào mô tả về ranh giới, mốc giới giữa hai thửa đất.

[6] Năm 2011, dự án VLAP đã tiến hành đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới, lập Bản mô tả ranh giới mốc giới thửa đất, bà X và ông S đều đã được UBND huyện Kiến Xương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy CNQSD đất ký hiệu BI 198717 ngày 15/12/2011 thể hiện: ông H, bà X được công nhận quyền sử dụng thửa đất số 448 tờ bản đồ số 16, địa chỉ: thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình, diện tích 426.2m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn

335m², đất trồng cây hàng năm 91.2 m²; Giấy CNQSD đất ký hiệu BI 1987178 ngày 15/12/2011 thể hiện: ông S, bà C được công nhận quyền sử dụng thửa đất số 449 tờ bản đồ số 16, địa chỉ: thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình, diện tích 311.4 m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn 311.4 m². Sơ đồ thửa đất thể hiện đầy đủ tọa độ, chiều dài các cạnh của thửa đất, trong đó ranh giới giữa hai thửa đất tranh chấp có cùng tọa độ và có chiều dài là 24.67 m. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông H, bà X thể hiện ngôi nhà cũ nằm giáp ranh giới đất ông S, không thể hiện việc sử dụng mốc giới chung với thửa đất liền kề. Diện tích đất của hai bên đều tăng so với đo đạc năm 1992 là do phương pháp đo đạc. Đất ao của gia đình bà X đã được san lấp, chuyển mục đích thành đất trồng cây hàng năm và đã nhập thành 01 thửa.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều khẳng định đất của hai gia đình đã được Nhà nước công nhận, họ không có khiếu nại thắc mắc gì về việc Cấp giấy chứng nhận, mốc giới giữa hai gia đình khi đo Vlap đơn vị đo đạc đã đánh bằng vạch sơn đỏ nhưng đã bị mất, đề nghị Tòa án đo đạc thẩm định nếu bên nào vi phạm, bên đó phải tháo dỡ.

[8] Biên bản hòa giải của UBND xã M thể hiện: Gia đình ông S lợp mái tôn đè lên bức tường sau khi đã đo Vlap, ông S bà C cũng thừa nhận vấn đề này nhưng cho rằng bức tường thuộc sở hữu chung của hai nhà, song lại không đưa ra căn cứ chứng minh quyền sở hữu chung bức tường này.

[9] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/9/2017, có sơ đồ đo đạc bằng phương pháp đo truyền tọa độ xác định ranh giới, mốc giới bằng máy toàn đạc thể hiện: Ranh giới, mốc giới của hai thửa đất không thay đổi so với Giấy chứng nhận. Ranh giới đất giữa hai gia đình được mô tả: Ranh giới từ mốc (1) đến mốc (2) mốc (3) chạy thẳng kéo dài 24.67 m; Mốc (1) ở vị trí giáp tường cách tường quán nhà bà X 0.91 m; mốc (2) ở góc tường quán bà X, mốc (3) ở giáp tường nhà ông Dương Văn C thửa 433 và nằm cách tường công trình phụ nhà ông S 0,07 m; bức tường nhà mà bên tranh chấp thuộc ranh giới thửa đất của bà X. Phần mái tôn công trình phụ nhà ông S bà C lợp đè lên 1 phần bức tường phạm vào ranh giới đất của bà X có chiều dài theo tường là 4,07 m, chiều rộng 0,10 m, diện tích là 0.43 m²; phần mái Brô xi măng công trình phụ nhà ông S đưa sang đất nhà bà X, phần lán tôn nhà ông S thuộc ranh giới đất ông S.

[10] Ông S, bà C cho rằng kết quả đo đạc bằng máy không chính xác so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ thừa nhận phần mái Brô xi măng công trình phụ có đưa sang đất bà X nhưng lại không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh.

[11] Điều 175 Bộ luật Dân S quy định: ranh giới giữa các bất động sản liền kề:

“1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận, hoặc theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp

Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách...Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung.

2. Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất, phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác”.

Điều 12 Luật Đất đai quy định: những hành vi bị nghiêm cấm

“1. Lấn, chiếm, hủy hoại đất đai

2....”

[12] Như vậy, có đủ cơ sở xác định: bức tường tranh chấp nằm trong ranh giới đất của bà X thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà X, Theo quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai bà X được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình. Việc ông S và bà C xây tường và lợp đề mái tôn lên $\frac{1}{2}$ bức tường này là hành vi lấn đất, vi phạm vào quy định tại Điều 175 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai nên cần buộc ông S và bà C phải tháo dỡ phần tường và mái tôn phạm vào ranh giới đất của bà X theo kết quả thẩm định.

[13] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Ông S và bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bà X được trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí.

[14] Về chi phí tố tụng: Ông S và bà C phải hoàn trả cho bà X 2.806.000đ chi phí đo đạc, thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng Điều 175 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu “buộc ông S và bà C phải tháo dỡ phần mái tôn phía trước và phần mái Brô xi măng công trình phụ phía sau” của bà Nguyễn Thị X, bà X có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị X, buộc ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C phải tháo dỡ phần tường và phần mái tôn diện tích là 0.43 m² lợp đề lên tường nhà bà Nguyễn Thị X (có Bản vẽ chi tiết kèm theo).

3. Về án phí: ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị X 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000757 ngày 20/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương.

4. Về chi phí tố tụng: ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X 2.806.000đ (hai triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng) chi phí tố tụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/12/2017, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiên Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiên Xương;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh